

TƯ LIỆU

MỘT QUÂN ĐỘI DA VÀNG

Nguyên tác: Farjenel Fernand*

Người dịch, bổ chú: Hoàng Ứng Huyền,
Nguyễn Bá Dũng**

Nghị viện hiện đang chú tâm đến việc thành lập một đội quân bản xứ quan trọng. Theo đề án của các ông Pierre Masse, [Pierre] Ajam và Maurice Bernard,⁽¹⁾ người ta sẽ tuyển mộ binh lính ở tất cả các thuộc địa của chúng ta: Tây Phi, Madagascar, Đông Dương, v.v., bằng các khoản tiền thưởng đăng lính và các khoản ưu đãi khác nhau dành cho gia đình họ. Những người đưa ra đề án tin rằng người ta có thể nhanh chóng thành lập được một lớp mộ binh quan trọng người da đen và da vàng, sử dụng họ một cách hữu hiệu trên các điểm chiến trường rộng lớn đang thật sự có nhu cầu và đặc biệt là trong các vùng nóng ở phía Đông. Chiến tranh dường như buộc phải kéo dài, thực ra là rất lâu, và mặt trận cứ lan rộng ra; bây giờ nó đang lan đến Vịnh Ba Tư (Persic) và Ai Cập. Từ nhiều năm nay, người ta đã nghe nói về quân đội da đen và quân đội da vàng. Các sĩ quan ưu tú và có năng lực trong nhiều năm dài huấn luyện và chỉ huy binh lính bản xứ, họ đã soạn thảo nhiều đề án khác nhau cho tương lai. Trong những năm gần đây, Đại tá [Charles] Mangin đã thành công trong việc gây sự chú ý của công chúng đối với những ý tưởng của ông về quân đội da đen; trong khi đối với quân đội da vàng, kế hoạch đã được tướng Pennequin soạn thảo, đồng thời ông chỉ huy ở Đông Dương, nhưng Đông Dương ở rất xa; nhìn từ bên ngoài đó là một thế giới hạn hẹp, người ta quan tâm rất ít đến nước Pháp xét về vấn đề thuộc địa nói chung và sự chiếm hữu lớn của chúng ta đối với Viễn Đông nói riêng; đề án của vị tướng hoàn toàn không được đại đa số công chúng biết đến; cần phải đến khi có một cuộc chiến khủng khiếp đã ngốn bao nhiêu sinh mạng con người để người ta mới nghe về nó.

* Nguồn: Farjenel Fernand. "Une Armée Jaune". *La Revue de Paris*, 1^{er} Janvier 1916. Pp 112-137. Fernand Farjenel (thế kỷ XIX-1918) là Người Pháp, Giáo sư tại Trường Đại học Khoa học Xã hội Tự do (Collège Libre des Sciences Sociales), Thủ thư tại Bộ Tài chính Pháp (1910-1913), chuyên gia về Trung Quốc học, tác giả của: [...] *L'idée de nature dans la philosophie de l'école confucéenne* (1900), *Les Francs-Maçons Chinois* (1900), *Les européens et la langue Chinoise* (1900), "Les Esprits" [...] (1901), *L'Avenir de la civilisation Chinoise* (1901), *La Métaphysique Chinoise* (1902), *Quelques particularités du culte des ancêtres en Chine* (1903), *Le peuple Chinois, ses mœurs et ses institutions* (1904), *Le Culte impérial en Chine* (1906), *La morale Chinoise* (1906), *Le Japon et l'Islam* (1907), *Un rituel musulman Chinois* (1908), *Le Serment des 37 tribus Lolos* (1910), *Une inscription du Yunnan (Mission d'Olbone)* (1910), *Autour d'une chaire du Collège de France. Les Documents de la mission Pelliot* (1911), *À travers la Révolution Chinoise* (1914), *Comment les Chinois ont compris la Révolution Française* (1917).

** Hà Nội.

Các đề án quân đội bản xứ đã vấp phải những người phản đối, không chỉ trong thời kỳ hòa bình – là lúc mà họ không muốn tin vào khả năng tranh chấp to lớn dẫn đến cuộc chiến tranh mà chúng ta đang chứng kiến – mà họ vẫn còn phản đối cho đến tận ngày hôm nay. Nhất là đối với quân đội da vàng cũng vậy, đội quân này là điều duy nhất chúng tôi quan tâm trong bài viết này. Những ý kiến trái chiều nhưng lại được lưu hành trên các tờ báo; đề án cũ của tướng Pennequin được nhắc lại và cải biên đã được tuyên bố là không thể áp dụng bởi các cá nhân có thẩm quyền của giới thực dân, trong khi ông sĩ quan cấp tướng này và những người khác cho là nó rất dễ thực hiện.

Đối với chúng tôi, những người không có bất kỳ sở trường nào về quân sự, chúng tôi sẽ phải dè chừng khi theo một trong hai phái, bằng cách xem xét những gì có liên quan đến khía cạnh kỹ thuật thuần túy về việc này, đó là giá trị của người lính bản xứ, sức đề kháng của họ, chất lượng hoặc điểm yếu của họ theo quan điểm quân sự; đó là vùng độc quyền của các sĩ quan, các nhà chuyên môn. Nhưng bởi vì đề án có những hệ quả xã hội và chính trị chưa được làm sáng tỏ, cho nên đây là một mặt của vấn đề mà chúng tôi đề xuất xem xét một cách đặc biệt, dĩ nhiên phải sau khi tướng Pennequin trình bày ngọn nguồn các ý tưởng đã được thuyết minh rõ ràng. Một cuộc điều tra mà chúng tôi đã thực hiện ở nước này trong ba năm cho phép chúng tôi đưa ra trong cuộc tranh luận một số quan điểm cá nhân bằng cách thông báo những điều ghi nhận của chúng tôi.

*

* *

Ý tưởng đầu tiên về việc thành lập một đội quân với các thành phần được chọn trong dân chúng Đông Dương dường như đã được đề xuất bởi chỉ một mình tướng Pennequin. Không còn nghi ngờ gì nữa, khi việc bình định Bắc Kỳ, sau khi cuộc chinh phạt đã gần như hoàn tất, thì cần thiết phải lập ra các đội dân binh người bản xứ có vai trò bảo vệ dân cư vùng biên giới và ven biển chống lại các cuộc đột nhập bất ngờ của các toán cướp;⁽²⁾ nhưng các đội dân binh này được biên chế bộ khung các sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, lại chủ yếu thi hành nhiệm vụ của cảnh sát mà không có các yếu tố của một quân đội đúng nghĩa.

Điều gì sẽ xảy ra nếu thuộc địa của chúng ta bị tấn công bất thành lính từ bên ngoài, làm thế nào các đội quân chiếm đóng người Pháp có thể bảo vệ nó? Số lượng binh sĩ mà mẫu quốc có thể lưu lại đó hiển nhiên không đủ để chiến đấu chống lại một lực lượng lớn, được trang bị vũ khí hiện đại và được chỉ huy tốt bởi sĩ quan người Âu. Do đó [người ta] có ý tưởng kêu gọi chính người An Nam (Annamites) trở thành công dân Pháp để bảo vệ đất đai của họ. Những người bản xứ này sống ở ba trong năm phần của Liên bang Đông Dương vào khoảng 20 triệu người.⁽³⁾ Không khó khăn để chọn ra từ một dân số như vậy, những thành phần đủ cho một đội quân đông đảo.

Người An Nam ở miền Bắc, được gọi một cách chính xác là người Bắc Kỳ, hoặc người An Nam ở miền Trung, hoặc người Nam Kỳ ở miền Nam, có một lịch sử đầy các cuộc chiến diễn ra giữa họ với người láng giềng Trung Quốc trong nhiều thế kỷ. Sự thống trị của Trung Quốc đè nặng lên họ trong một ngàn năm khởi đầu từ năm 110 trước Công nguyên. Trong suốt thời kỳ kéo dài này, họ đã nhận được từ những kẻ thống trị chữ viết, luật lệ, nền triết học. Nền văn minh Trung Hoa ghi một dấu ấn mạnh mẽ trong họ. Mặc dù chịu sự áp bức lâu dài bởi ách thống trị nước ngoài này, nhưng sự áp bức có lẽ cũng có ích, người An Nam không đánh mất tính cách dân tộc cũng như phẩm chất chiến đấu của họ. Năm 968, họ đã thành công trong việc rũ bỏ ách thống trị và một vị vua An Nam trị vì trên cả nước. Ba thế kỷ rưỡi sau, người Trung Quốc lại tiến vào Đông Dương, nhưng chỉ ở phía bắc, họ xâm chiếm Bắc Kỳ cho đến tận Sông Hồng. Người Bắc Kỳ nổi dậy đánh đuổi quân xâm lược. Năm 1428, tướng quân An Nam họ Lê [Lê Lợi] đã thành lập một triều đại và triều đại này trị vì cho đến cuối thế kỷ XVIII.

Ở phía nam của An Nam, người bản xứ thể hiện phẩm chất chiến đấu qua các cuộc chiến trong nhiều thế kỷ chống lại bọn cướp biển Mã Lai (Malaisie), bọn chúng bị thợ săn miền sơn cước tiêu diệt.

Người An Nam cũng trải qua những trận đánh khủng khiếp và đẫm máu trong các cuộc nội chiến; cuối thế kỷ XVIII giới cầm quyền đã bị chia đôi. Triều đại nhà Nguyễn đã được thành lập ở miền Nam; một cuộc nổi dậy lớn [Tây Sơn] đã nổ ra, vua Lê ở phía bắc chạy trốn sang Trung Quốc trong khi đó chúa Nguyễn lưu vong ở Xiêm. Triều đại này trở lại ngai vàng nhờ một người Pháp là Giám mục Pigneau de Béhaine, người đã thuyết phục vua Pháp ủng hộ và cung cấp các sĩ quan Pháp cho vị chúa đang chạy trốn. Những người này xây dựng thành quách và tổ chức lại quân đội gồm hơn 100 ngàn người, nhờ đó mà Hoàng đế Gia Long mở rộng quyền thống trị của mình trên tất cả các vùng đất của người An Nam, đến tận biên giới Trung Quốc hiện tại.

Trong nửa cuối thế kỷ XIX, các Hoàng đế Minh Mạng và Tự Đức đã tàn sát các giáo sĩ và tín đồ đạo Cơ đốc và nước Pháp đã can thiệp; một đội quân nhỏ của Pháp gồm 800 người gần như đã bị tiêu diệt tại Sài Gòn bởi binh lính của Tự Đức.⁽⁴⁾ Năm 1861, Đô đốc Charner đến Nam Kỳ, kết thúc [cuộc chinh phục] bằng việc đè bẹp quân đội An Nam và ký kết hòa ước với nhà vua, người lúc đó phải đối mặt với một cuộc nổi dậy lớn [vụ Tạ Văn Phụng] nổ ra và bị kích động bởi những người ủng hộ nhà Lê ở Bắc Kỳ. Năm 1867, các cuộc khởi nghĩa chống Pháp nổ ra khắp nơi; cuộc chinh phục Nam Kỳ lần thứ hai được các Đô đốc của chúng ta tiến hành, và rồi họ bắt đầu tổ chức cho vùng đất được bảo trợ này một chính quyền dân sự vào ngày 13/5/1879.

Ở phía bắc, vua An Nam đã kêu gọi người Trung Quốc vào Bắc Kỳ, và Đại úy [Henri] Rivière bị giết gần Hà Nội, các hoạt động quân sự của Pháp chống lại người Trung Quốc và người Bắc Kỳ bắt đầu; chúng ta không cần phải nhắc lại những gì đã xảy ra, cảm xúc dâng trào ở Pháp khi các đội quân của chúng ta thua

trận tại Lạng Sơn, sự kiện này tác động đến cả Nghị viện và chiến cuộc ở Bắc Kỳ. Trong mười năm, phiên quân đã chiến đấu chống Pháp ở miền Bắc, trong khi chính quyền của chúng ta được thành lập ở các vùng đồng bằng đã giành được và bình định xong.

Lịch sử những trận chiến này chứng minh rằng dân Đông Dương không trì trệ và thụ động như một số người tưởng tượng. Dĩ nhiên họ đã bị chinh phục bởi một số lượng quân đội Pháp tương đối nhỏ, nhưng lý do không phải vì bản chất bất lực của người lính An Nam, để đầu quân mà trong phong thái cụ thể được đánh giá bởi nền văn minh Trung Hoa, được chiếm ưu thế bởi nhân cách trong sáng, thông thái và triết lý của giới nho sĩ mà chính họ xem nhẹ và thậm chí coi thường tất cả những gì là quân sự. Dưới chế độ cảm xúc, quân đội Trung Quốc và An Nam phó mặc cho sự chỉ huy của các lãnh đạo dốt nát và phụ thuộc, đã rơi vào tình trạng suy sụp hoàn toàn. Tinh thần khoa học hoàn toàn vắng mặt trong nền văn minh này, trong khi đó nền văn minh của chúng ta phát triển nhanh chóng kiến thức thông qua quan sát, hoàn thiện các kỹ thuật và vũ khí của nó, đã buộc người Trung Quốc và người An Nam phụ thuộc người châu Âu khi bước vào chiến đấu với họ. Đó là những gì xảy ra, nhưng nó không chứng minh rằng những người chủng tộc da vàng về bản chất là không phù hợp với binh nghiệp.

Hơn nữa, từ những chiến thắng của Nhật Bản và sự xâm nhập choáng ngợp của họ vào nền văn minh phương Tây, thì đó là một dự luận không còn có thể đứng vững được nữa.

Rõ ràng là tướng Pennequin, người đã đến nước này năm 1878, cũng như các sĩ quan khác cùng chia sẻ cách nhìn của ông dựa trên những sự khảo sát của họ để cho rằng người ta có thể thành lập một đội quân da vàng có khả năng sở hữu đầy đủ tinh thần phát huy giá trị chiến đấu và sự phụng sự mà người ta có quyền mong đợi từ việc huấn luyện quân đội da vàng.

Kể từ khi các sĩ quan Pháp được giám mục Adran đưa đến để thành lập quân đội của Gia Long, xây dựng những tòa thành kiểu Vauban mà người ta rất kinh ngạc là được tìm thấy trên vùng đất An Nam, thì các phương thức và trang bị đã thay đổi, nhưng đề tài con người thì luôn như nhau. Trong hoàn cảnh hiện nay, xét từ quan điểm quân sự thuần túy, thì trở ngại chính là ý đồ muốn đạt được kết quả trong một thời gian rất ngắn. Nếu chúng ta bắt đầu thực hiện đề án này từ năm ngoái, như đã được đề xuất, thì ta đã có thể gửi quân tiếp viện quan trọng cho các đội quân Anh - Ấn đang chiến đấu ở Baghdad; có thể giúp họ tránh được việc rút lui.

*

* *

Không thể đi vào chi tiết bất kỳ vấn đề nào về thể chế quân đội da vàng mà hiện tại đang rất sôi động; nhưng ít nhất chúng ta có thể trình bày những ý tưởng

và kế hoạch được đưa ra bởi người đề xuất chính của đề án cũng như những bước khởi đầu thực hiện nó. Tất cả những điều này thực ra đã được thảo luận công khai và lan tỏa trên báo chí.

Năm 1912, trong các bài giảng dành cho các sĩ quan tham mưu, tướng Pennequin đã cổ vũ cho việc thành lập quân đội An Nam, để nếu trường hợp cần thiết thì chính người Đông Dương bảo vệ người Đông Dương.

Đầu tiên tướng quân đề cập đến các mặt đạo đức, xã hội và chính trị của vấn đề, là phần quan trọng nhất so với các vấn đề khác. Ông đưa ra một nguyên tắc rằng, để có thể duy trì Đông Dương cho nước Pháp thì trước tiên cần phải thu phục lòng dân chúng, từ bỏ chính sách cai trị mà chính quyền Đông Dương không muốn từ bỏ, truyền bá giáo dục trong người dân, cho họ một quyền tự do nhất định, không giam hãm họ trong chế độ độc đoán của các nhà quản lý và các công chức, tóm lại là đưa họ dần dần vào điều kiện của công dân Pháp. Ông thỉnh cầu rằng, người An Nam khi ngang bằng về tri thức với người Pháp – thông qua các kỳ thi – thì phải được đối xử như các quan chức và sĩ quan của chúng ta; và do đó, ông dự định thành lập đội ngũ hạ sĩ quan và sĩ quan bản xứ.

Khi người ta biết hoặc có thể biết rất ít về thế giới thuộc địa – đặc biệt là Đông Dương – người ta không thể ngạc nhiên rằng, đề án được trình bày với lời mở đầu như vậy, đã gặp phải sự chống đối trong mọi tầng lớp xã hội mà trước hết là trong giới công chức và sĩ quan [ở Đông Dương]. Điều mà tướng quân yêu cầu ở đây là một cuộc cách mạng thực sự, tương tự như Cách mạng Pháp, khi nó thủ tiêu các quyền và đặc quyền phong kiến để thiết lập sự bình đẳng cho mọi công dân.

Không bận tâm đến sự chống đối này, người lính ngoan cường đã cố gắng thực hiện những gì [cần thiết] với đề án của mình, bằng cách chuẩn bị ít nhất cho tương lai. Ông ta lập một trường thiếu sinh quân, ở đó người ta tiếp nhận những đứa trẻ An Nam mười tuổi, buộc chúng học tập toàn thời gian, và sau khi tốt nghiệp, người ta gửi chúng đến trường hạ sĩ quan *Sept-Pagodes* [nay là *Phả Lại*, thuộc tỉnh Hải Dương]; Rồi sau nữa người ta gửi chúng đến Saint-Maixent [Pháp] để khi ra trường chúng là sĩ quan Pháp.

Một đại đội thử nghiệm đã được thành lập, bộ khung hoàn toàn là người bản xứ, và đại đội này thường xuyên thao diễn dưới sự quan sát của tướng quân, chính ông đã lựa chọn cẩn thận các chỉ huy người Pháp của họ. Việc thử nghiệm đạt kết quả như mong muốn. Và sao có thể khác được? Người An Nam vốn thông minh, có đầu óc quan sát và có trí nhớ tuyệt vời khắc sâu vào tâm trí, đó là đặc tính của tất cả những người Viễn Đông.

Đối với trường học, nơi đào tạo các sĩ quan tương lai, người ta dự định tuyển dụng học viên trong số những người ưu tú của xã hội An Nam, quả là thích hợp. Ngay từ khi biết trường được thành lập thì các quan lại, nhà nho, nhân sĩ, kỳ hào hiển nhiên đua nhau thể hiện mong muốn gửi con cái họ theo học để được đào tạo về quân sự như người ta đã hứa hẹn, các lá đơn xin nhập học đổ dồn về tướng quân.

Nhưng ông phải ra đi. Ngay lập tức, người ta làm ngược lại mọi thứ ông đã bắt đầu. Ngôi trường không được chăm sóc nữa, học viên rời bỏ trường, các hạ sĩ quan rời quân đội, nơi họ không còn hy vọng gì hơn nữa, đại đội mầu đã được giao phó cho các sĩ quan thờ ơ hoặc chống đối. Trong một thời gian ngắn, công trình được phác thảo bởi tướng Pennequin chỉ còn là một ký ức để nhạo báng và mỉa mai trong các cuộc trò chuyện cũng như trên các bài báo. Đã biết bao lần chúng tôi không hiểu những lời nói lập lờ nước đôi từ miệng những đồng bào sống ở đó: “Một đội quân bản xứ. Thật là điên rồ! Người ta muốn trao vũ khí cho những kẻ bại trận để chúng sử dụng chống lại chúng tôi và ném chúng tôi ra khỏi thuộc địa!”

*

* *

Trước khi nghiền ngẫm về đề án đội quân da vàng của mình, trong quãng thời gian hoạt động sự nghiệp ở Đông Dương, tướng Peunequin đã nhìn thấy trước một nguồn tuyển mộ binh lính mà ông tin chắc rằng hôm nay sẽ rút ra một cái gì đó và chắc chắn không bị xem thường: những người dân miền núi vùng biên cương.

Do biên giới Bắc Kỳ của chúng ta và Trung Quốc chỉ là những ranh giới lý tưởng trên các tờ bản đồ, còn trên thực tế chúng không tương ứng với ranh giới xác thực được. Các khu vực mà biên giới đi ngang qua là vùng núi bao phủ bởi rừng cây luôn là nơi ẩn náu của những kẻ bất trị, những kẻ chạy trốn sự chuyên chế của quan lại Trung Quốc, bọn cướp chuyên nghiệp, v.v. Đối với những loại người đó, Bắc Kỳ luôn là một phần của Trung Quốc; rất nhiều người trong số họ có nhà ở sát biên giới của chúng ta. Ở các vùng lãnh thổ lân cận, ngay cả bên phía Trung Quốc, chính quyền Trung Quốc không có bất kỳ quyền lực nào, cũng không có lực lượng quân sự thực sự nào; Bắc Kinh thì ở rất xa! Kể từ cuộc cách mạng [Cách mạng Tân Hợi 1911], tình trạng này còn nổi bật hơn nữa, các tỉnh giáp biên giới cứ lần lượt lột qua quyền lực về danh nghĩa hơn chính các nhà cầm quyền đang tại vị nếu họ đủ mạnh, hoặc là họ thương lượng với nhà độc tài ở Bắc Kinh cũng như với những người cầm đầu các băng nhóm trong tỉnh đó.

Những khu vực không rõ ràng này – bắt đầu từ phía biển và kết thúc ở Miến Điện – rất rộng lớn; chiều dài của chúng gần như đạt tới chiều dài biên giới là 2.137km, gần như sự độc lập của các khu vực này không thay đổi, luôn luôn có các nhóm du kích, mà chúng ta gọi là cướp, chúng di chuyển khắp nơi, nhất là về phía Vân Nam; những nhóm này, tương tự như các đại đội lớn của cuộc Chiến tranh Trăm năm,⁽⁵⁾ các lãnh đạo của họ luôn tuân thủ kỷ luật và sùng trong tay. Chính vì lý do này mà toàn bộ vùng đất biên giới Bắc Kỳ từ sát biển đến Miến Điện luôn được thiết lập các Đạo Quan binh (Territoire Militaire).⁽⁶⁾

Trong các bài thuyết trình của mình, vị tướng nói về cách ông giao thiệp vào năm 1888 với chính những người lính đánh thuê lúc ấy chiến đấu vì lợi ích của vua An Nam.⁽⁷⁾ Họ đã hành nghề lính đánh thuê giống như người Thụy Sĩ xưa, và rất ngạc

nhiên khi người Pháp không coi họ là lính chính quy. “Tại sao - họ nói - các ông liên tục tuyên bố chúng tôi là kẻ cướp, và ra giá cho cái đầu của chúng tôi? Chúng tôi đã được vua An Nam - người đứng đầu chính thức của đất nước này – bổ nhiệm, đây văn bằng của chúng tôi chứng minh điều đó. Hãy cho chúng tôi xem [văn bằng] của các ông? Ai cho các ông quyền ở đây? Như thế nào mới thực sự là kẻ cướp?”

Các sĩ quan Pháp nhận thấy rằng mong muốn của những người lính đánh thuê này là được sống bằng binh nghiệp, nên đã thỏa thuận với thủ lĩnh của họ, và biến họ thành lính được chúng ta trả tiền. Do đó, các toán cướp không còn cướp bóc vùng thượng du Bắc Kỳ nữa và vùng đất này đã được bình định.

Sự dễ dàng – mà với nó người ta có thể đạt được một sự tiến triển và thậm chí, ràng buộc những người đàn ông sinh ra để chiến đấu – một lần nữa được chứng minh qua sự việc sau đây. Để loại bỏ họ khỏi đất nước [Bắc Kỳ] và theo yêu cầu của họ, các sĩ quan Pháp đã cương quyết đưa họ đến địa giới các tỉnh Quảng Tây và Quảng Đông, là nguyên quán của họ. Nhưng các nhà cầm quyền Trung Quốc, không có năng lực điều hành, chỉ thích loại bỏ họ, những người lính biệt lập, mà chính quyền buộc phải trả tiền, chứa chấp, chỉ đạo; điều mà chính quyền thích thú hơn là những nhóm này tái hợp lại ở xa để sống trên đất Bắc Kỳ. Khi chính phủ Trung Quốc can thiệp thật sự, nhà cầm quyền cấp cao của Pháp đành phải cho đưa các băng đảng lúc bấy giờ đang trên đường [trở về nguyên quán], quay trở lại vùng đường trục biên giới tại Lào Cai (nguyên văn: Laokay). Tất nhiên, các cuộc xâm nhập bất ngờ lại bắt đầu xảy ra.

Tướng Pennequin lại được cử trở lại Lào Cai, và nhờ sự quen biết với các cá nhân, phong tục tập quán của họ và bản thân những người cầm đầu của các nhóm, ông đã thành công lần thứ hai trong việc bình định vùng đất này bằng cách hợp thức hóa những người lính không chính quy này. Vì thế danh tiếng của ông vẫn còn rất lớn trong cư dân biên giới – những người tìm kiếm vận may, súng trong tay, ở những vùng hoang dã này.

Mặt khác, các ý kiến của ông tướng về cách thức người ta phải đối xử với người bản xứ, đã khiến ông có được mối thiện cảm tự nhiên của họ, họ coi ông là người bảo vệ quyền lợi của họ trong số người Pháp. Đây là những điều kiện tốt để ông quyết làm công việc tuyển mộ lính.

Tướng quân sẽ có thể tìm được bao nhiêu từ những người lính không chính quy này, những người chỉ muốn sống bằng binh nghiệp; từ những con chó sói này người ta có thể bằng một cách riêng biến đổi chúng thành chó chăn cừu không? Tôi không thể biết. Nhưng luôn có một sự thật là người Đức – với dự tính và sự hiểu biết chính xác về các sự kiện và tình huống – đã sẵn sàng hành động đối với chúng ta, để làm cạn kiệt nguồn tuyển dụng này và quay sang chống lại chúng ta. Do có những người Đức đang dẫn dắt các băng nhóm chống nhau mà chúng ta bắt buộc phải gửi hai ngàn người tới đó, vì vậy sự việc đã được đăng trên các tờ báo.

Họ dạy chúng về chiến tranh hiện đại, cách sử dụng hầm hào và dây thép gai mà không chờ sự cho phép của chính quyền Pháp.⁽⁸⁾

Đối với việc tuyển mộ trong dân An Nam, nói đúng là toàn Đông Dương, người ta không thể nghĩ đến một con số chính xác bởi vì nó sẽ phụ thuộc, ngay từ đầu, sự tin tưởng của người bản xứ vào người có trách nhiệm thực hiện đề án. Dường như rõ ràng rằng chỉ một mình tướng Pennequin có sự tin tưởng như vậy, bởi vì chỉ một mình ông đã có thể thể hiện tình cảm của lòng nhân từ và công lý mà cách phát biểu đã đến tai tất cả người An Nam ở thuộc địa.

Đó là lý do tại sao ông được chỉ định một cách tất nhiên, nhưng người ta không cần che giấu rằng ông sẽ gặp nhiều trở ngại trên con đường của mình, bởi vì ông phải đối mặt với sự chống đối của gần như toàn bộ giới thực dân. Trong khi một nhiệm vụ cần phải hoàn thành nhanh chóng như vậy – đòi hỏi hiển nhiên một quyền tự chủ rất lớn để quyết định và hành động – thì các văn phòng, vốn chống đối các biện pháp đã được Nghị viện thông qua, đã khôn khéo tìm ra cách tốt nhất để làm tê liệt ông tướng khi chỉ cử ông làm một cố vấn có nhiệm vụ báo cáo cho chính những người đã chống lại đề án của ông.

*

* *

Sự chống đối này được giải thích bằng cách mà người Pháp ở Đông Dương hiểu về chính sách thực dân và các phương pháp của nó.

Trừ rất ít ngoại lệ, các kiều dân [Pháp] cho rằng tất cả chính sách thuộc địa nhất thiết phải là chính sách thống trị; người bản xứ, kể cả khi đã được khai hóa như người An Nam, cũng phải được duy trì trong sự phục tùng nghiêm ngặt; mặc dù đã có khoảng 30 năm xứ Bắc Kỳ và Trung Kỳ thuộc thẩm quyền của Pháp và trong hơn nửa thế kỷ chúng ta trực tiếp cai trị Nam Kỳ, thì cần nắm chắc một điều rằng người bản xứ phải ở trong thân phận dân thuộc địa của mình. Mọi ý tưởng xuất phát từ mẫu quốc dành cho họ một số quyền công dân, để hướng họ đến tự do, mà sự tự do này đều bị đưa ra giấu cọt trong các cuộc trò chuyện cũng như trên báo chí sở tại dưới danh xưng “bọn bản xứ lai” (indigénophilie). Danh xưng này gần như là một sự xúc phạm. Tiếp nhận từ ngữ châm biếm, chưa bao giờ khác với ngôn ngữ về chính sách đồng hóa hay liên kết. Đặc biệt trong giới hành chính, người ta đánh giá rằng, trên thực tế, người bản xứ phải nộp thuế thân và phải làm lao dịch để cảm ơn mẫu quốc. Ba mươi năm sau cuộc chinh phạt, người ta vẫn lặp lại: “Chúng ta là những người chinh phục và là những người chiến thắng, người An Nam thua trận bởi vậy phải bị đối xử tương xứng, mọi sự tự do chúng ta có thể mang đến cho họ sẽ gây tai họa cho chúng ta!”

Còn về việc thành lập một nền tảng bình đẳng với người Pháp, đó là một sự đòi hỏi ngạo mạn đối với sự ưu việt của chủng tộc da trắng. Quyền con người và

công dân chỉ là chuyện vu vơ hão huyền, nó có thể gây ấn tượng tốt trong các bài phát biểu của chính trị gia mẫu quốc, nhưng những sai lầm mị dân này không được phép lưu hành ra ngoài.

Đó là những nguyên tắc mà người ta yêu cầu trình bày bởi khoảng 19-20 người - đồng bào của chúng ta ở Đông Dương.

Các hành vi cố nhiên là phải phù hợp với nguyên tắc. Trên thực tế, các nhà quản lý thuộc địa và cá nhân các công chức ở một vị trí tương tự như các lãnh chúa phong kiến thời Trung cổ của chúng ta, thống trị trên đại chúng dân nghèo. Người ta thậm chí cố giữ cho tình trạng đó thể hiện một cách tượng trưng trong thái độ của người bản xứ. Người ta lấy làm tiếc không còn được thấy người An Nam cúi đầu xuống tận sát đất để lạy một quan chức người Pháp. Tuy nhiên chuyện ấy vẫn còn và không ít hơn một lần chúng tôi đã có dịp chứng kiến cái cảnh kỳ quặc viên lý trưởng ở một làng làm một động tác lạy trang trọng, nghĩa là quỳ mọp xuống và lạy đề dâng lên cho Công sứ một giỏ trái cây và trứng. Chẳng phải là ngay mới năm ngoái đây trong báo thuộc địa đã đề xuất là người bản xứ phải cúi chào mọi người Pháp ngay mỗi khi mới bị phạt một chút đấy sao ?

Nói chung, các quan chức Đông Dương của chúng ta là những người tốt, không xấu, người Pháp với tính cách của họ đôi khi quá suồng sã, không hợp thời; nhưng mỗi khi họ cứng rắn, hay xấu tính thì hậu quả của cái hệ thống kiểu gia trưởng này là rất nặng nề đối với người bản xứ; thực tế nó kéo theo vô số sự lạm dụng [quyền lực], những lạm dụng này chắc chắn sẽ bị trượt dài một cách không thể tránh khỏi thành một thứ quyền uy tuyệt đối và không kiểm soát được. Trong mọi trường hợp, thể chế này được coi là tối thượng cho những người lợi dụng và tận hưởng các đặc quyền và sức mạnh mà nó mang lại.

Tất nhiên, rơi vào một môi trường như vậy, những ý tưởng của tướng Pennequin đã có tác động như một vụ bê bối thực sự khi ông lần đầu tiên công bố chúng. Người ta nghĩ rằng việc thông báo phục hồi lại đề án của ông vào ngày hôm nay sẽ gây ra cảm giác chống đối tương tự. Đề án này bao gồm, cần thiết phải có, một sự thay đổi triệt để trong các phương sách của chính phủ và nền hành chính của chúng ta. Việc thực hiện đề án như hồi chuông báo tử của cả một hệ thống.

Trên thực tế, liệu có ai hiểu rằng chúng ta có thể yêu cầu một dân tộc chiến đấu, rời xa quê hương họ, vì nước Pháp và rằng chúng ta đã phớt lờ trước những yêu sách của họ, rằng chúng ta không cần phải đáp ứng mong muốn của họ, cởi bỏ cái ách đang đè nặng trên vai họ, cũng như ước vọng tự do? Điều này thực tế là không thể.

Đúng thế, hệ quả như vậy là một vấn đề nghiêm trọng bởi vì chúng ta có thể tự hỏi rằng người An Nam sẽ quay về phía nào nếu chúng ta chấp nhận cho họ tự do và họ sử dụng nó như thế nào để thực hiện những quyền mà chúng ta buộc phải

đồng ý trao cho họ. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng sự xem xét đề án này quá quan trọng khi đối phương không còn được viện cầu.

Các luận cứ của đề án đã được tóm tắt rất tốt bởi ông [Ernest] Outrey, Phó Thống đốc Nam Kỳ, trên một bài viết cho báo *l'Écho de Paris*, ngày 3/12/1915. Ông Outrey trình bày những luận chứng phản bác khác nhau về mục kỹ thuật; ông phê phán số người mà tướng Pennequin hy vọng sẽ tuyển mộ được – theo ý kiến ông – là quá lớn; ông cho là con số các khoản trợ cấp được đề xuất sẽ không đủ để khuyến khích người bản xứ nhập ngũ; ông khẳng định rằng chúng ta không khó để tin rằng tất cả các viên chức thuộc địa của chúng ta đều chống đối phương sách được đề xuất; rằng các văn phòng của Bộ Chiến tranh, là người của tướng [Pierre] Famin, tổng chỉ huy (directeur) các đạo quân thuộc địa, không thừa nhận quân đội da vàng; rằng tướng [Joseph] Sucillon chỉ huy các đội quân Đông Dương cũng suy nghĩ vậy, tuy nhiên quan điểm này lại nằm trong sự phản đối lớn nhất có thể có đối với biện pháp mà chúng ta không muốn thực hiện với người An Nam; khi biết là nguy hiểm, binh lính [An Nam] có thể sử dụng tri thức quân sự mà chúng ta đã truyền dạy cho họ để thoát khỏi sự áp bức đè nặng lên họ, và liên tục phản kháng bằng mọi cách trong khả năng của họ.

Đây là yếu tố chính của vấn đề phải được biết, được xem xét và được giải thích. Dĩ nhiên công chúng Pháp dù rất ít biết về những gì đang diễn ra trong sự chiếm hữu thuộc địa xa xôi, sẽ có thể tự hỏi: “Sau bao nhiêu năm chúng ta có mặt ở Đông Dương như thế nào, làm thế nào ở đó chúng ta còn có chính quyền chịu trách nhiệm với đất nước này? Nhân danh nước Pháp làm thế nào mà những người hành động tự do, nhân nhượng và khát khao công lý, lại không thể cai trị một dân tộc thông minh, gan dạ, theo chủ nghĩa tự do, mà ngay lúc này biến sợ hãi thành hành động hợp lý? Giá trị nào đối với các công chức của chúng ta ở thuộc địa? Hệ thống họ áp dụng là gì?” Khả năng nhìn thấy tự đặt ra những câu hỏi như vậy, chỉ chúng tỏ sự cần thiết phải làm rõ tầm quan trọng về chính trị và xã hội của hệ quả của đề án.

*

* *

Có những người đã không thể hiểu được tinh thần luôn cảnh giác của người bản xứ, khi tướng Pennequin giải thích cho họ trong các bài thuyết trình năm 1912. Vì vậy, ngay từ lúc đó, họ tỏ ra là những người ủng hộ quân đội da vàng vì những lý do giống nhau, đã gây ra sự chống đối của chính quyền Pháp. Họ đã tìm thấy cho mình một công cụ, có thể tuyệt diệu, [đó là] sự giải phóng tương lai của họ; nhưng sự tán thành đề án và mong muốn của họ chỉ là một nguyên cớ nữa để những người liên quan đến việc làm thất bại đề án chiến đấu chống lại chính họ.

Ngày nay, tình hình không giống như trước nữa. Không phải khuấy động việc huấn luyện trong thời bình những người lính bản xứ bảo vệ đất nước họ, mà là

tuyển mộ những con người, làm sao trong một thời gian ngắn, được thử thách lòng can đảm và đổ máu cho một nước Pháp xa xôi mà họ không biết.

Tuy nhiên, bất chấp sự khác biệt này, tuy rằng đáng kể, thì ý tưởng về người An Nam vẫn không thay đổi, vẫn tồn tại trong nhiều năm. “Vâng, họ nói, chúng ta phải tạo ra một đội quân từ những đứa con của chúng ta”. Dĩ nhiên, những người An Nam mà chúng ta đề cập là những người được liệt kê trong trường hợp giống như thế, những người đại diện, những người đứng đầu, những người dẫn dắt dư luận, và không phải là quan chức bản xứ được chúng ta lựa chọn cẩn thận để làm công cụ cai trị và trả lương cho họ. Đây là những người đàn ông duy nhất có sức ảnh hưởng mạnh mẽ, có đủ thẩm quyền, bởi vì nó dựa trên sự hy sinh mà họ dành cho sự nghiệp của đất nước họ, để cho quần chúng thấy được lợi ích mà họ có thể cầm vũ khí cứu nước Pháp nếu nước Pháp đồng ý cho họ tự do.

Thật thích đáng, có một người trong số họ, rất đáng được kính trọng như là một trong những người lãnh đạo quan trọng nhất, đang ở Pháp. Bị kết án tử hình theo các thủ tục tư pháp thông thường trong vấn đề chính trị ở Đông Dương, và sau đó bị tù khổ sai chung thân tại Côn Sơn (Poulo Condore), ông được ra khỏi nhà tù nhờ sự kháng nghị của người Pháp. Học giả vĩ đại này kể từ thời điểm đó đã không ngừng cố gắng làm sáng tỏ vị trí chính xác của người An Nam trong nền hành chính mẫu quốc của chúng ta. Có bao nhiêu thỉnh nguyện của ông ta, đã chỉ trích một cách tàn nhẫn và can đảm, cách cư xử của chúng ta, nay đang ngủ yên trong những chiếc cặp hồ sơ thông thường dành cho các tài liệu thuộc loại này! Tôi có thể ghi nhận, với cuộc điều tra của tôi ở Đông Dương⁽⁹⁾ trong môi trường bản xứ khép kín, tầm ảnh hưởng của ông đối với đồng bào ông lớn đến như thế nào, do đó, thật rất thú vị khi biết suy nghĩ của một người đại diện sôi nổi như học giả Phan Châu Trinh, tên tuổi của ông tồn tại trong nhiều năm, đã xuất hiện đôi lần trên báo chí Paris.

Đây là một lá thư ngày 12/11 năm ngoái [1914], trong đó ông bày tỏ suy nghĩ về chủ đề này. Các dòng tài liệu này được dịch từng chữ, sẽ cho phép chúng ta hiểu được một cách trực tiếp ý kiến của một người bản xứ nổi tiếng, một trong những nhà lãnh đạo của đảng cải cách Đông Dương, một trong những người mà chính quyền coi là đối thủ đáng sợ nhất.

Ngày trước Ngài đã nói với tôi rằng tại thời điểm hiện tại (lúc đó) Chính phủ Pháp đang quan tâm tới việc sử dụng người An Nam, biến họ thành những người lính được đối xử hào phóng và được hưởng một chế độ tương tự như chế độ của binh lính Pháp, và đề nghị tôi cho biết suy nghĩ của mình về việc đó.

Tôi nghĩ rằng đề án này có tầm quan trọng nhất và rất có lợi đồng thời cho người dân cả hai quốc gia chúng ta, những ảnh hưởng từ tác dụng to lớn của nó sau đó sẽ còn lan rộng hơn nữa tới toàn bộ vùng Viễn Đông.

Nếu điều đó trở thành hiện thực, không chỉ Chính phủ Pháp sẽ thoát khỏi lo lắng của sự giảm bớt tính hiệu quả cần thiết, mà người dân nước chúng tôi trong những

hoàn cảnh này sẽ có cơ hội để biểu lộ tính thẳng thắn tình cảm và ý muốn đem lòng can đảm của họ hỗ trợ Chính phủ Pháp, sự hỗ trợ vào thời điểm nguy cấp, đồng thời cho phép người Pháp biết, có một nhận thức rõ ràng, giá trị của giống nòi đất nước tôi, và cũng để biết nếu sau này vẫn còn có những người mà miệng cứ lặp đi lặp lại rằng người An Nam không chỉ là những kẻ hoang dã, mà họ còn tạo thành một băng đảng bạo lực và nổi loạn, bị cổ vũ bởi ý muốn trả thù, rằng phải giữ họ luôn luôn dưới ách (cai trị), và rằng không thể thúc giục để hướng dẫn họ hoặc đến để giúp đỡ họ.

Tôi chắc chắn rằng, sau khi thực hiện đề án liên quan, không những chỉ sẽ không nhiều người Pháp không muốn lắng nghe chúng tôi hay đặt niềm tin vào chúng tôi, mà ngoài ra sẽ có những người trong số họ máu sẽ sôi lên và sẽ đồng lòng hưởng ứng để xóa bỏ các phương pháp cai trị áp bức và để hỗ trợ chúng tôi và số người đến để giúp đỡ chúng tôi sẽ rất nhiều.

Những điều đã nói ở trên hoàn toàn không phải là một sản phẩm hảo huyền trong trí tưởng tượng của tôi, thật thế, có một cái gì đấy, theo một cách thức rõ ràng, mắt tôi đã nhìn thấy và tai tôi đã hiểu rõ, bốn tháng trước, khi ông Nghị sĩ M... đưa cho tôi xem một nghiên cứu do sáng kiến của Hạ nghị viện trong đó yêu cầu Chính phủ hành động với người Algeria một cách công bằng và xứng đáng đối với một số người trong số họ, những người đã giành được các danh hiệu để tỏ lòng biết ơn của nước Pháp. Tôi nhớ rằng nghiên cứu này có một câu trong đó nói rằng “người Algeria, với dòng máu quý giá của họ, đã nhuộm đỏ đất Pháp, để chống lại kẻ thù của đất nước này, và nếu người Pháp không nhớ một sự phục vụ như vậy, nếu họ không trả nợ khoản nợ để biết ơn theo cách xứng đáng với họ, nếu họ không coi người Algeria là anh em thực sự, họ chắc chắn sẽ không xứng đáng để tựa vào danh hiệu con người nữa.” Khi nghe nói điều này, tôi xúc động đột ngột; những lời nói này là những lời lẽ xứng đáng của một đại diện của nước Pháp.

Đó là lý do tại sao, từ đáy lòng tôi, tôi không ngừng hy vọng rằng người Pháp và người An Nam sẽ từ bỏ hoàn toàn sự thù hận và căi nhau vô cớ cũ để hành động theo thỏa thuận chung và nương tựa vào nhau; rằng Chính phủ sẽ mở một cánh cửa lớn với sự hào phóng và sự công bằng để cho phép người dân nước tôi tận dụng cơ hội đưa đến cho họ để hy sinh xương máu của họ và chất đồng thi thể họ bên cạnh các thi thể người Pháp ở châu Âu, để hỗ trợ nước Pháp trong hoàn cảnh này, vì vậy nếu người Pháp có tình cảm chân thật trong tim, thì hãy giúp đỡ đồng bào của tôi.

Từ giờ trở đi, nhờ những lý do này và với những cây bút được tôi luyện trong máu và nước mắt, sẽ có những yêu sách được viết chống lại sự áp bức và sự bất công mà chúng tôi sẽ là nạn nhân, với sự tin chắc rằng Chính phủ Pháp sẽ cảm động.

Có những điều trong thâm tâm tôi suy nghĩ mà tôi không thể nói ra, là nguyên do của sự ngờ vực và thù hận mà tôi là đối tượng của một bộ phận khá nhiều người. Đối với đồng bào tôi, tôi tự nói với mình, không có ai, tôi muốn tin tưởng họ và dựa vào họ, và bất chấp tất cả những gì mà tôi tuyên bố, người nào không tin tôi, đến nỗi chỉ làm tăng sự ngờ vực của tôi, mà tôi là đối tượng và đó là tất cả, đó là chưa kể đến có những người ghét tôi khi nói về tôi “Này, ông không thấy rằng cá nhân này đã bị coi là nổi loạn lúc này đang quẩn trí và hoảng loạn, ông ta tìm cách để tạo niềm tin vào lòng trung thành của mình với đất nước chúng ta. Hãy cảnh giác với niềm tin của ông ấy!...”. Điều đó chỉ nhằm gây tai tiếng cho tôi, mà không có bất kỳ lợi ích

nào cho ai cả; vì vậy tốt hơn là tôi coi như chết và tôi không tỏ thái độ với những gì xảy đến với tôi nữa.

Nhưng bây giờ Ngài đã nói chuyện với tôi giống như Ngài đã làm, đó là tại sao tôi cảm thấy một sự hài lòng sâu sắc.

Ngoài ra tôi cũng được biết rằng tướng Pennequin mà Chính phủ sắp sửa ủy thác việc thực hiện đề án đã được dự kiến sẽ đảm bảo sự thành công bởi vì bằng cách này tướng quân là một người đàn ông có kinh nghiệm, ông mong muốn thực hiện đề án này cách đây hai hoặc ba năm.

Bất chấp những trở ngại người ta đã gây ra cho ông để cản trở ông thực hiện những ý tưởng của mình, người ta vẫn thấy, qua những lời hứa của ông, qua các bài thuyết trình tại các hội nghị, sự biểu lộ các quan điểm của ông, rất cần thiết để thực hiện ứng dụng, với sự chắc chắn rằng ông có thể thành công, bởi vì người đàn ông này là một sĩ quan cấp tướng có uy tín rất lớn và ý thức về công lý đã nhiều người biết, bởi vì ông đã có một thời gian dài quản lý đất nước của chúng tôi, bởi vì ông hiểu rất rõ tính cách của đồng bào tôi và đặc biệt là bởi vì họ có đầy đủ sự tin tưởng vào ông.

Nếu vị tướng này quay lại đó, để thực hiện đề án do ông khởi xướng, tôi chắc chắn rằng tất cả những người trong số đồng bào của chúng tôi, những người có chút tiếng tăm và những người luôn sẵn sàng tin tưởng nước Pháp, sẽ giúp đỡ bằng cả trái tim của mình, bằng tất cả sức lực của mình để thực hiện điều này mà không có gì cản trở. Trong trường hợp của tôi, đây là những năm mà tôi khẳng định bản thân mình những cảm xúc sau đây: theo những gì đang xảy ra ở vùng Viễn Đông lúc này, và không quay lại cách thức người ta ưa chuộng, không phải là thúc giục người An Nam tránh xa người Pháp; nhưng, ngược lại, cũng thúc giục người Pháp thay đổi cách xử lý thủ tục hành chính cũ và họ giúp đỡ người An Nam tiến bộ; làm như vậy, các đại diện của hai dân tộc có thể sống hòa hợp một cách bền vững...

Thật không may niềm hy vọng của tôi đã trở thành thất vọng. Đó là lý do tại sao tôi cố gắng, với tất cả nỗ lực của mình, để cải thiện tình trạng của sự việc, nhưng hành động của tôi làm cho mọi người không hài lòng và họ còn tuyên bố rằng tôi là một kẻ thù không đội trời chung của nước Pháp.

Tôi cần phải tận dụng cơ hội bày tỏ một cách hợp lý và yêu cầu được trở về nước để giúp đỡ, ngay cả bản thân tôi, với tất cả sức lực của mình nhằm thực hiện công việc mà chúng tôi đang dốc sức làm, điều này cho phép tôi biểu lộ lòng chính trực của mình và để rửa sạch tiếng xấu của tôi về tất cả những điều bẩn thỉu ở những người mà người ta muốn che giấu ở đây.

Nhưng Ngài có biết, theo một cách mà người ta không có chỗ để nghi ngờ, số phận bất hạnh của tôi là thế nào.

Thực tế, ở đất nước An Nam của tôi hiện tại, tình hình không được yên ổn; Nếu tôi trở lại đó và nếu may mắn mọi thứ đều hoàn hảo thì không có gì để nói, nhưng nếu rủi ro, một hoặc hai sự kiện đáng tiếc xảy ra trong số mười sự kiện, thì tất cả những người không thích sẽ nói "Tất cả điều này xảy ra bởi vì Phan Châu Trinh đã thúc đẩy người dân trong nước vùng lên", như thế nỗi bất hạnh sẽ bắt ngờ

đổ xuống đầu tôi. Khi chúng ta đang trong chiến tranh, chúng ta có thể biết liệu sẽ có ai đó muốn tin tưởng vào thái độ chân thành của tôi không? Chúng ta có thể biết nếu có ai đó phải lo lắng về những thiệt hại mà tôi phải chịu đựng từ người lãnh đạo này không.

Tôi là một người đàn ông bất hạnh, đã rời bỏ đất nước tôi, vợ con tôi đã tám hoặc chín năm, và đã cam chịu mọi sự sỉ nhục và hy sinh với hy vọng duy nhất là góp phần gắn kết dân tộc của hai đất nước chúng ta với nhau.

Nếu cái chết của tôi có thể mang lại lợi ích cho đất nước của Ngài và của tôi, tôi sẽ không cảm thấy có bất cứ hối tiếc nào vì sự hy sinh của cuộc đời mình. Nhưng, than ôi, nếu cái chết của tôi thực sự không có ích gì, và nếu bắt nguồn từ nó, mà đưa tới chuyện là đại diện của hai nước chúng ta đang ngày càng rời xa nhau, thì suy nghĩ này sẽ làm tôi rất hối hận, vì vậy liên quan đến câu hỏi về sự trở về nơi đó [An Nam] của tôi lúc này, tôi không dám nói trước.

Nhưng, mặc dù mọi việc có đang diễn ra và ngay cả khi tôi không quay trở lại Đông Dương bây giờ, công việc của tôi cần thực hiện tại chỗ, thì tôi cũng không thể viết bất kỳ lá thư nào cho tất cả những người bằng hữu với tôi để tỏ rõ sự minh bạch, các điều kiện của đề án và sự cần thiết cho đồng bào của tôi để mang viện trợ của họ đến nước Pháp vào thời điểm quan trọng này.

Ngoài ra, tôi vẫn có thể hành động bằng cách viết bài trên các tờ báo (của đất nước tôi) để kêu gọi đồng bào của tôi đừng nghe lời khuyên về gây rối sau này, sẽ giải thích cho họ, những người bất hạnh, và tôi có cảm giác là bằng cách làm như vậy tôi đảm bảo hoàn thành nghĩa vụ hiện tại của tôi.

Đối với tất cả việc liên quan đến các khoản trợ cấp và sự sử dụng để đãi ngộ với người An Nam cũng như người Pháp, chi trả cho những người phải ra nước ngoài, những người phải đối mặt bom đạn súng trường và có thể bị thương vong vì súng đại bác, kể cả mối quan tâm về sự sống của gia đình họ, đã được trù tính bởi tướng Pennequin và nói khác đi là tôi không cần phải nói [thêm] gì cả.

Nhưng tôi phải tự tiết chế bản thân mình, vì thư của tôi đã dài và khi tôi có cơ hội gặp Ngài, tôi sẽ nói với Ngài nhiều hơn.

PHAN CHÂU TRINH

Chúng tôi muốn đăng lại tài liệu này *in extenso* [không cắt xén] vì nó cho phép hiểu tình huống khó xử ở Đông Dương đối với người bản xứ khi họ chỉ trích các cách cư xử của chính quyền và yêu cầu thay đổi.

Con người An Nam này thật mạnh mẽ, mặc dù ở một đất nước mà với vài đồng bạc người ta dễ dàng tìm được nhân chứng giả, nơi các quan lại điều hành công lý theo kiểu phương Đông, một cách bí mật và không có sự kiểm soát, sẽ nguy hiểm khi việc này [sự điều hành] đặt trong tay họ. Bất cứ ai biết các thủ tục tư pháp của Viễn Đông (hỡi ôi!), có ảnh hưởng đến chúng ta, sẽ không ngạc nhiên trước sự can trọng của một người đàn ông đã từng bị kết án tử hình vì sự đối lập về chính trị của ông ta. Như đã được ghi nhận rất rõ: “Trong chính trị, không có

công lý!”. Và với sự dễ dàng như thế, người ta không thể can dự vào một mưu đồ mà giới hạn của nó luôn luôn không rõ ràng.

Dù thế nào cũng là điều đáng tiếc, bởi vì ngay tại bản xứ này có thể cung cấp cho chúng ta đầy đủ dịch vụ để khuyến khích tuyển mộ. Người ta không thể khiển trách sự thận trọng của mình, bằng một kinh nghiệm đau xót sẽ được tỏ rõ. Ở Đông Dương, người ta dễ dàng vượt qua các quy tắc giám hộ xử án của mẫu quốc, và nghi phạm nhanh chóng bị chuyển thành tội phạm trong các tổ tụng và kiện cáo đều xét xử kín.

*

* *

Mặc dù mong muốn của những người đại diện cho đồng bào bản xứ là muốn thấy thành lập một quân đội An Nam hoặc Đông Dương, nhưng việc thành lập đó chỉ có thể gặp nhiều khó khăn. Để hiểu được điều này, chúng ta phải hiểu rõ tâm trạng, thái độ và tinh thần của các tầng lớp dân cư khác nhau mà họ phải nuôi dưỡng phù hợp để tôn vinh người Pháp.

Đám đông nông dân dù làm việc trên đồng lúa hoặc nơi này nơi khác, giống như toàn nhân loại, đều mong muốn hòa bình, có quyền bán sản phẩm của mình mà không bị bắt chịu thuế nặng nề và không phải chịu quá nhiều thói lạm dụng của kẻ có quyền; chính sách phức tạp của phương Tây hoàn toàn xa lạ đối với họ; tuy nhiên đối với quần chúng là nông dân thì người Pháp là những kẻ chinh phục, không tồn tại ở đất nước họ. Khối quần chúng này bao gồm những người ôn hòa và thiếu tri thức, và từ hơn một phần tư thế kỷ qua, chúng ta đã không làm gì nghiêm túc để khai sáng cho họ. Nói tóm lại, hiệu quả rõ rệt nhất của sự thống trị đã để lại trong họ hai ấn tượng đều tồi tệ, chúng liên tục thay đổi trong cuộc sống hàng ngày của họ: thứ nhất là thuế rượu mà họ không hề biết rõ, và gây ra vô số sự lạm dụng đau đớn nhất đối với họ; và thứ hai là việc quản lý hành chính tồi tệ của những quan lại phục vụ cho chúng ta. Khi thay đổi đặc quyền, có một vài sửa đổi về quyền kiểm soát rượu đối với một công ty đấu thầu với số vốn ban đầu là 600 nghìn franc, đã tạo ra lợi nhuận hàng năm nhiều triệu franc, toàn thể dân chúng An Nam đã bị thay đổi. Một cuộc bỏ phiếu nhất trí trong Nghị viện liệu rằng có hứa hẹn chấm dứt những nỗi khốn khổ và sự lạm dụng xuất xứ từ chế độ thuế khóa đồ uống có cồn? Các tệ nạn đã lớn đến mức đã xảy ra các cuộc phản kháng vũ trang. “Người ta đã bán rẻ chúng tôi cho những người bán rượu!”, đó là tiếng gào thét vang của đất nước này. Tuy nhiên, điều này đã được xoa dịu bằng lời hứa long trọng rằng [sự thay đổi] sẽ được thực hiện dành cho họ. Vì vậy, khi đầu năm 1913, như dự đoán có thể người ta sẽ không giữ lời, tạo ra cảm giác đầy cay đắng. Cho đến giây phút cuối cùng, không ai muốn tin rằng nó sẽ như vậy. Người ta đã phải chấp thuận

theo một sự thật hiển nhiên khi ngày 11/4, hợp đồng nổi tiếng cuối cùng đã được thay đổi vì lợi ích lớn hơn của những kẻ đầu cơ. Sự tức giận và nỗi tuyệt vọng của họ thật càng to lớn, điều mà chỉ những người hiểu được mức độ tệ nạn của họ và những người đã nhìn thấy các nhà tù chật kín mới có thể hiểu được.

Do đó hai ngày sau, viên Tuần vũ tỉnh Thái Bình người An Nam, người rất tận tụy với chính quyền của chúng ta, đã bị giết bởi một quả bom; ngày 26, một vụ nổ khác tại một trong những quán cà phê chính của Hà Nội đã giết chết hai sĩ quan Pháp và làm bị thương 17 người.⁽¹⁰⁾ Vào ngày nổ ra những cuộc tấn công này, trong cảnh hoảng loạn của khoảnh khắc đầu tiên, đã diễn ra một sự đàn áp khủng khiếp. Hàng trăm người thuộc mọi giới tính, mọi lứa tuổi, bị lôi ra khỏi nhà trong đêm và bị ném hàng đống vào nhà giam. Sau đó, một phiên tòa đã diễn ra. Đâu là thủ phạm thực sự? Những kẻ đánh bom này thường là những kẻ cuồng tín biệt lập, rất khó bắt ở mọi nơi và chúng đã không bị bắt khi đang hành động; hơn nữa việc xảy ra ở một đất nước mà người ta không thạo ngôn ngữ và nơi mà mọi thứ đều che giấu. Có vẻ như trong trường hợp này, người ta không nắm bắt được bản chất sự việc hoặc thủ phạm thực sự. Sự trừng phạt là cần thiết để giữ thể diện. Các thẩm phán thông thường đã bị bác quyền, và một Hội đồng đề hình đã được thành lập, do một quan chức nghiêm khắc điều hành và ông này ngồi ghế thẩm phán xử kín. Bảy người đã bị xử tử, nhiều người khác bị đi đày khổ sai. Người ta lợi dụng cơ hội để loại bỏ tất cả các nghi phạm, bởi vì nói đúng ra bất cứ nhà nho An Nam nào, người ta đều thấy có thể là một nghi phạm của chính quyền.

Tất cả điều này đã gây tiếng vang lớn trong dân chúng và không làm tăng sự gắn bó của người bản xứ với người Pháp, nhưng một lần nữa chúng tỏ rằng những tội phạm kiểu đơn độc này là không hiệu quả, đa số dân chúng vẫn hiền lành và luôn luôn thế. Đây chỉ là một cảnh báo sau rất nhiều cảnh báo khác do những sai lầm của chúng ta gây ra.

Nhưng trong đại chúng, có hai loại người đại diện ưu tú của dân bản xứ, biết suy nghĩ, có lý luận, có mơ ước tự do, thấy ách áp bức là không thể chịu đựng được.

Loại người thứ nhất bao gồm những nhà nho già, những quan lại hồi tiếc quá khứ khi họ có quyền lợi dụng sự dễ dãi của dân chúng, những nhà nho trẻ hơn và không có địa vị, những người bị loại từ nền cựu học. Trong số này có các thành viên được tuyển chọn của Hoàng thân lưu vong Cường Để, cháu trai của Hoàng đế Gia Long, người đã trốn sang Trung Quốc [?], nơi ông ta kích động chống lại chúng ta cùng với nhà nho Phan Bội Châu. Vị Hoàng thân này đã cố gắng xin ân xá; nhưng trong các vụ đánh bom, ông bị kết án tử hình vắng mặt. Ông ta hy vọng một ngày nào đó sẽ lên ngôi. Ông đã bị buộc tội có quan hệ với người Đức. Bộ phận lỗi thời này, trong thời kỳ yên ổn chẳng có gì nguy hiểm hơn là những kẻ ném bom, bởi vì họ không có những ý tưởng phong phú nào làm nên sức mạnh. Họ chủ yếu được sử dụng như những kẻ bù nhìn. Các thành phần lưu vong của họ đều sống

ở nước ngoài, có rất ít nguồn lực, và các âm mưu mà họ trù tính là có khả năng bị thất bại dễ dàng. Thời gian qua họ càng ngày càng tỏ ra sự bất lực của mình. Bộ phận những nhà nho bất mãn và bị thải hồi, họ chỉ như là những cái tai của một bộ phận dân chúng yếu hèn.

Loại người thứ hai trong các nhà tranh đấu của Đông Dương hoàn toàn khác. Họ bao gồm những người đã nghiên cứu ít nhiều những điều của phương Tây, một số trong đó đã được các trường đại học của chúng ta cấp bằng cử nhân, thạc sĩ (licenciés) và tiến sĩ. Những người này có mối liên hệ với những người có danh tiếng trong nước, nói chung là những địch thủ của đám quan lại đang phục vụ người Pháp và điều đó là giá trị của họ, với sự tin tưởng của người dân, là thù địch của chính quyền.

Trong những năm qua, họ đã tin chắc rằng Đông Dương và đặc biệt là đất nước của họ, nghĩa là ba xứ của nền văn minh An Nam, còn quá yếu để xây dựng thành một nhà nước độc lập. Đơn độc một mình thì chẳng mấy chốc nó sẽ sớm rơi vào ách thống trị của Trung Quốc mà cha ông họ đã từng đánh đuổi, hoặc có thể là Nhật Bản. Tại sao không dựa vào Pháp? Liệu rằng người ta có thể hy vọng, thay vì là một sự thống trị luôn sử dụng các cách thức của kẻ xâm lược thì một ngày nào đó sẽ là một sự hỗ trợ tốt? Và lại một số người trong số họ đã nhận ra rằng người Pháp ở mẫu quốc rất khác với người Pháp ở Đông Dương; họ đến đây [Pháp], rất thích tự do và cam đoan rằng sẽ thích ứng những phong tục và nền luật pháp dân chủ của chúng ta, và họ mơ ước một cái gì đó tương tự cho đất nước họ.

Ở Đông Dương hay Paris, nhiều người trong số họ đã trình bày với tôi giấc mơ về tương lai, biến Đông Dương thành nước Pháp giống như biến Canada và Australia thành nước Anh; một cô con gái xa dựa vào một người mẹ thế lực, người mở đầu cho tự do.

Họ nhận ra rằng để đạt được ước mơ này, cần phải vượt qua sự phản đối của cả thế giới thực dân vì lợi ích của giới cầm quyền hoặc giới tài phiệt, mà không muốn nhường chỗ. “Chúng ta không đến đất nước này – một quan chức cấp cao nói với tôi một cách trắng trợn – để giải phóng, mà để khai thác, không có gì khác hơn là khai thác thuộc địa!”

Từ đó, có sự khiển trách chống lại họ nhân danh người Pháp ở Đông Dương, là những người xem họ như kẻ thù nguy hiểm nhất trong tình hình hiện nay. Nói chung họ là đối tượng [bị] giám sát chặt chẽ, bị đánh giá là nghi phạm, bị đặt vào tình huống cảm thấy một ngày nào đó sẽ bị lôi kéo tham gia vào một số âm mưu và bị xét xử bởi các quan lại đang phục vụ chúng ta theo cách người châu Á, đó là tất cả những gì cần nói. Điều này cũng xảy ra như với vị học giả có bức thư mà chúng tôi vừa công bố ở trên, đầu tiên ông bị kết án tử hình, sau đó hình phạt được

hoán giảm là khổ sai chung thân, được ân xá, sau đó lại bị bắt như là nghi phạm ở ngay tại Pháp, bị xiềng xích và cuối cùng được thả ra cùng những người khác khi sự vô tội của ông ta được chứng minh bởi hành động của những người bảo vệ rất cương quyết.

Thế mà thái độ của các nhà lãnh đạo người An Nam thể hiện, là ủng hộ tích cực quân đội da vàng, bởi vì họ nhìn thấy đội quân này hoạt động mang lại sự tự do cho đất nước họ, giải phóng chủng tộc họ. Một số người linh cảm thấy chính vào ngày họ đổ máu trên chiến trường của chúng ta, người ta không thể từ chối một đại diện của họ trong Nghị viện và sự gia nhập của dân tộc họ vào gia đình Pháp. Do đó, chúng ta phải đối mặt với tình huống bất thường nhất. Quyền lợi của nước Pháp, xét trong sự vụ quá nghiêm trọng này, chỉ có thể được bảo vệ đầy đủ bởi những nhà lãnh đạo bản xứ thực tế và hiệu quả nhất, [họ] chống đối các đại diện của nước ta, các nhân viên của chúng ta ở Đông Dương.

Với tính cương quyết, các quan lại phục vụ chúng ta có thể hành động tốt nhưng họ chống đối đề án nên sẽ dàn xếp để làm cho nó trở nên đáng ghét đối với dân chúng, khi cần thiết họ sẽ trình bày việc tuyển mộ như là một yêu cầu bắt buộc do người Pháp áp đặt và như mọi khi, tùy tình huống kiếm lợi về tiền bạc bằng cách bán [giấy tờ về] các khoản miễn trừ.

Trên thực tế, nếu các đối thủ của chính quyền chúng ta không đồng tình thì đề án tuyển mộ một đội quân An Nam sẽ phải dàn xếp một cách nghiêm túc.

Tình huống đặc biệt này hoàn toàn riêng biệt với Đông Dương, việc tuyển mộ quân đội da đen từ người da đen nửa văn minh không thể đưa ra ý kiến gì. May thay, chúng ta có được sự giúp đỡ của người bản xứ, nhưng nó dẫn đến sự cần thiết phải sửa đổi các phương thức khai thác thuộc địa; nó được gọi là sự kết thúc của chính sách thống trị mà cho đến hôm nay được coi là khả năng duy nhất của toàn giới quản trị nhân sự tại Đông Dương chúng ta, và bởi đa số trong giới thực dân. Chúng tôi không cần phải nhắc lại quá nhiều, đó là một cuộc cách mạng thực sự bắt buộc.

*

* *

Tất cả những điều này cho phép dự đoán rằng đề án của tướng Pennequin sẽ gặp những trở ngại lớn; các quyết định hoặc đạo luật của các Ủy ban thuộc Nghị viện, phải có hiệu lực về mặt lý thuyết; nhưng trong thực tế vấn đề là, rất ít kể đến các vùng xa xôi, nơi mà Nghị viện không có khả năng kiểm soát. Toàn bộ lịch sử chính quyền thuộc địa cung cấp một phần minh họa tiếp sau (đã chứng minh). Các đạo luật, các mệnh lệnh quyền lực của mẫu quốc chỉ có giá trị tùy theo tinh thần

mà chúng được áp dụng; thật dễ dàng để làm cho chúng trở nên hảo huyền, biến những tờ giấy trở nên vô ích, trong khi phải có trách nhiệm biến chúng thành hành động thì người ta chống lại chúng.

Như bài viết của ông Outrey, một quan chức ngay hôm qua còn ở đây và đặc phái viên của các quan chức đã dự đoán, người ta phải tính trước một điều là, nhân viên người Đông Dương của chúng ta sẽ viện dẫn biện pháp do Nghị viện đã quyết định, e rằng là sự phối hợp những người quả quyết này nhằm thực hiện một biện pháp có hại và hơn nữa làm tổn hại rất nặng nề đến quyền lợi của họ. Liệu rằng những người này có thể gạt bỏ ra ngoài những tính toán cá nhân của họ? Họ có thể không bận tâm về sự mất mát như là định mệnh, những lợi thế và đặc quyền của họ? Các lãnh chúa theo thói quen cai trị vô số người luôn quỳ gối hoặc luôn cúi; liệu rằng chúng ta có thể đòi hỏi họ chấp nhận mà không phản đối rằng ngày mai họ sẽ chỉ là các công chức như những người khác, nghĩa là những người đầy tớ của đám quần chúng này, những người sẽ kiểm soát hành động của họ bởi các đại diện của họ?

Chắc chắn, không cần đặt câu hỏi nghi ngờ lòng yêu nước của các quan chức của chúng ta ở Đông Dương; rất nhiều người trong số họ là những người, trong cuộc chiến hiện tại, đã đổ máu và hy sinh mạng sống của mình cho nước Pháp; về điều này, quan niệm rõ ràng về nghĩa vụ không cho phép bất kỳ ai do dự; họ chắc chắn không có sự mơ hồ, do dự với kẻ thù, giống như tất cả mọi người Pháp. Nhưng những gì chúng ta yêu cầu họ làm là một hành động hoàn toàn khác về bản chất, đó không phải là chủ nghĩa anh hùng mà đó là một vài điều thách thức hơn nhiều: để uốn nắn ý chí của họ, những quan điểm riêng, quan niệm của họ về lợi ích chung và lợi ích cá nhân theo một đạo luật mà họ lên án là không hợp thời! Có thể không có hành động nào đòi hỏi càng nhiều sức mạnh tinh thần thì càng phải hy sinh bản thân nhiều hơn!

Và lại họ ở rất xa; từ trận đánh sông Marne [tháng 9/1914], họ biết rằng người Đức tất yếu và dù gì đi nữa sẽ chiến thắng; đó là một trong nhiều lý do để họ tỏ ra một cách thực tế là kẻ thù của sự sáng tạo nhất định, hoặc chí ít là tình trạng trì trệ đã cản trở họ.

Một loại người chống đối khác có thể hành động gây tác động ghê gớm, đó là tất cả các cá nhân quan lại An Nam phục vụ chúng ta, đều là những người không quan tâm đến quyền lợi của nước Pháp, điều này chúng ta không cần phải phản biện. Những người này bị căm ghét bởi những người mà họ bòn rút nhân danh chúng ta, lại còn vì lợi ích của cá nhân họ mà làm nghiêm trọng thêm các khiếm khuyết và sự lạm dụng của chính quyền chúng ta, bằng cách đổ tất cả những điều tồi tệ cho người Pháp trong con mắt người bản xứ, là gieo mầm mống của sự chống

đôi tích cực nhất trong thứ nước cày [vi trùng] mang tính cách mạng khổng lồ này được cấu thành bởi các hoạt động của chính phủ chúng ta.

Liệu có thể tin rằng những nhân vật này, đã dự đoán được việc kết thúc sự cầm quyền và lợi nhuận bất hợp pháp, cũng như sự phụ thuộc khả dĩ của họ với những người mà họ hiện đang bóc lột, sẽ tỏ ra là những người ủng hộ nồng nhiệt với đề án không? Có lẽ, họ đang nắm giữ người bản xứ ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ, sẽ cố gắng làm thất bại việc tuyển mộ hoặc, theo phong cách châu Á, không bao giờ tuyên chiến, họ sẽ làm vô hiệu chất lượng tuyển mộ.

Nhưng thật may mắn, nếu họ thống trị người dân bằng vũ lực thì họ không nắm được trái tim của người dân, họ không chiếm được lòng tin của dân. Nói chung, những người được tuyển mộ bởi người Pháp, họ thuộc một hạng thấp kém về mặt đạo đức và xã hội, họ chỉ là những người đầy tớ bị coi thường và đáng ghét. Nhiều người trong số họ đã bị giết ở Trung Kỳ năm 1908, vì họ đánh thuế quá nặng đã gây ra các cuộc nổi dậy. Do đó, họ sẽ không có chút đạo đức nào đối với người dân ở các nơi, có thể là nơi liên quan đến những người mà chúng ta nói ở trên. Tuy nhiên, với quyền lực mà họ được sử dụng, những vị quan này được phục chức theo quan điểm của các nhà quản lý mà họ biết và phụ thuộc vào họ, có thể là một trở ngại đáng kể cho việc thành lập quân đội da vàng.

*

* *

May mắn thay, để loại bỏ trở ngại này, chúng ta có được thiện chí của người bản xứ xuất phát từ khát vọng tự do của họ.

Đối với tôi, tôi chỉ biết rằng 18 người An Nam hiện đang ở mặt trận với tư cách người Pháp hoặc là những người tình nguyện, 07 người trong số họ đã giành được Chiến công bội tinh (Croix de Guerre), một người đã nhận được Quân công bội tinh (Médaille Militaire). Liệu có phải là không thể hy vọng rằng những người khác sẽ đi theo bước chân của họ?

Tất cả phần còn lại, chúng ta phải chinh phục thiện chí của thế giới thuộc địa và của người Pháp ở Đông Dương. Liệu có phải là quá mong đợi khi yêu cầu họ đừng làm tổn thất một đề án cấp thiết và xem xét cứu rỗi nước Pháp trên hết?

Chúng tôi không tin điều đó. Trong mọi trường hợp, tương lai sẽ cho chúng ta thấy rằng, cuối cùng ý thức được khát vọng của tổ quốc, họ biết cần chuẩn bị một tinh thần sát cánh cùng chúng ta để giáp mặt với quân thù.

Nếu mong ước của chúng tôi được thực hiện trong thời điểm này, những trở ngại đang vướng mắc của đề án Quân đội Da Vàng sẽ nhanh chóng được tháo gỡ;

việc tuyển mộ những người An Nam có nguyện vọng, đúng như Nghị viện và quốc gia mong muốn, sẽ là một thành công, và có thể là một trong những yếu tố đáng kể của chiến thắng trong tương lai của chúng ta.

H U H - N B D dịch và bổ chú

CHÚ THÍCH

- (1) ANC7537: Hồ sơ 1461, “Đề án Luật số 1446 về tuyển mộ quân đội bản xứ của Pierre Masse, Pierre Ajam và Maurice Bernard” (16/9/1915). (Richard S. Fogarty, *Tộc người và chiến tranh ở nước Pháp: Những người bản xứ trong quân đội Pháp, 1914-1918*, tr. 304). ND.
- (2) Chính quyền thực dân Pháp gọi chung những người dùng bạo lực chống lại luật lệ của họ là “bọn cướp”. ND.
- (3) Trong một dự án Luật đã được trình, người ta đưa ra một con số lớn hơn 14 triệu. Con số này tuyệt đối không chắc chắn, vì chính quyền chưa bao giờ thực hiện kê khai hộ tịch cá nhân. Người ta cố tình lờ đi số lượng chính xác của người bản xứ, mà họ thường lo lắng che giấu nó để trốn thuế. Tài liệu Trung Quốc cho rằng con số là gần 20 triệu; đó cũng là ý kiến của chính người An Nam.
- (4) Chưa tìm thấy sử liệu nào về thông tin này. ND.
- (5) Chiến tranh giữa Anh và Pháp kéo dài từ năm 1837 đến 1843. ND.
- (6) Năm 1891, Người Pháp đã thành lập bốn Đạo Quan binh, gồm:
Đạo Quan binh số 1 hoặc Bảy Chùa (Sept Pagodes) (tỉnh Hải Ninh, một phần của các tỉnh Quảng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh và Thái Nguyên).
Đạo Quan binh số 2 hoặc Lạng Sơn (tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng).
Đạo Quan binh số 3 hoặc Yên Bái (tỉnh Lào Cai [nguyên văn: Lao Kay], một phần của các tỉnh Tuyên Quang, Sơn Tây và Hưng Hóa).
Đạo Quan binh số 4 hoặc Sơn La (tỉnh Sơn La và một phần của tỉnh Hưng Hóa).
(Theo: <http://anom.archivesnationales.culture.gouv.fr/geo.php?lieu=Tonkin%2C+Territoires+militaires>). ND.
- (7) Chỉ quân Cờ Đen và các lực lượng quân sự Trung Hoa khác có mặt tại Bắc Kỳ khi đó. ND.
- (8) Phải chăng là sự kiện này: “Hồi Chiến tranh Thế giới thứ Nhất, khoảng năm 1915, hai cán bộ Việt Nam Quang Phục Hội (ông Đặng Tử Kính ở Xiêm và ông Mai Sơn ở Trung Quốc sang Xiêm) đã gặp Công sứ Đức ở Băng Cốc, nhận một vạn đồng, mang sang Trung Quốc lo toan về việc tổ chức bạo động ở Hà Khẩu, Lạng Sơn và Móng Cái. Nhưng không thành công.” Theo: Hoàng Văn Hoan,... (biên soạn), “Hoạt động cách mạng của Việt kiều ở Thái Lan (cuối thế kỷ XIX - 1975)”. Hà Nội. 1978 - <http://www.talawas.org/talaDB/suche.php?res=8188&rb=08>. ND.
- (9) Fernand Farjenel là tác giả của báo cáo “Mission en Chine et en Indochine sur l’enseignement et la religion” năm 1910. ND.
- (10) Vụ Phạm Văn Tráng và vụ Nguyễn Khắc Cần, tháng 4/1913. ND.

TÓM TẮT

Bài viết đề cập tới một sự kiện hầu như chưa được biết đến trong lịch sử Việt Nam. “Một Quân đội Da Vàng” là đề án được đề xuất vào năm 1911 của tướng Pennequin - Tổng Tư lệnh các Đội quân Đông Dương (1911 - 1913). Ông đã ở Đông Dương 19 năm trong giai đoạn 1877 - 1913.

Cơ sở của đề án bắt nguồn từ tình hình quân sự quốc tế ảnh hưởng đến sự phòng thủ Đông Dương: quân đội Trung Quốc mới sau Cách mạng Tân Hợi 1911, nước Xiêm (Siam) vũ trang, đế quốc Nhật Bản đánh bại Nga năm 1905 và chiếm Triều Tiên năm 1910, và lực lượng quân đội Pháp tại thuộc địa không đủ sức phòng thủ. Thấu hiểu sự mạnh mẽ của các chiến binh Việt qua thực tế chiến tranh; thấy được sự thay đổi của xã hội Việt Nam sau 30 năm thực dân hóa, đã xuất hiện tầng lớp trung lưu mà nước Pháp cần phải trông cậy vào, Pennequin nhận thấy con đường tiến tới độc lập ở các nước thuộc địa có thể bắt đầu bằng xây dựng một quân đội quốc gia với toàn bộ sĩ quan đều là người bản xứ. Đề án đã thất bại khi giới quan chức và thực dân ở Đông Dương phản đối mạnh mẽ.

Thế chiến I nổ ra buộc Nghị viện Pháp phải xem xét tái khởi động đề án để “tuyển mộ quân đội bản xứ” tham gia chiến tranh. Chí sĩ Phan Chu Trinh lúc này đang sống ở Pháp đã nhìn thấy trong việc tuyển mộ này cơ hội để thực hiện các ý tưởng hiện đại hóa. Đối với ông, nền độc lập cho đất nước chỉ có thể được chú ý đến sau một giai đoạn khởi sự ban đầu và đào tạo của xã hội Việt Nam, hướng tới nền kinh tế, chính trị và văn hóa hiện đại của phương Tây. Do đó ông nhìn thấy đề án này là một động lực chính trị khi gửi sang Pháp đào tạo các phần tử tiên tiến, những trí thức trẻ và lao động có chuyên môn. Nhưng chương trình này hoàn toàn dựa trên ý muốn của nước Pháp. Một lần nữa đề án của Pennequin lại thất bại, vẫn vì bọn thực dân thuộc địa ở Đông Dương. Lần này, nó bóp chết cả mong muốn của một nhà yêu nước Việt Nam.

ABSTRACT

A YELLOW ARMY

The article mentions an almost unknown event in Vietnamese history. “A Yellow Army” was a project proposed in 1911 by General Pennequin, who was in Indochina for 19 years between 1877 and 1913 and Commander of Indochina Forces from 1911 to 1913.

The basis of the project originated from the international military situation affecting the defense of Indochina: the new Chinese Army after the 1911 Revolution, the armed Siam, Japanese Empire defeated Russia in 1905 and occupied Korea in 1910, and French Forces in the colony were inefficient in defence. Understanding the strength of Vietnamese warriors through the reality of war and seeing the change of Vietnamese society after 30 years of colonization, which appeared a middle class that France needed to rely on, Pennequin realized that the path to independence in colonial countries could begin with the building of a national army with total indigenous officers. The project failed due to the strong protest of the officials and colonists in Indochina.

The World War I broke out forcing the French Parliament to consider restarting the project of “recruiting indigenous army”. Phan Chu Trinh then living in France, saw this recruitment an opportunity to implement modernization ideas. To him, the independence of the country can only be noticed after an initial period of training Vietnamese society towards the modern economy, politics and culture of the West. So he considered the project as a political impetus when sending young intellectuals and skilled workers to France for training. But this program is entirely based on the will of France. Once again, Pennequin’s project failed because of the French colonists in Indochina. This time, it crashed in the egg the wishes of a Vietnamese patriot.